Journal of educational equipment: Applied research, Volume 1, Issue 280(January 2023)
ISSN 1859 - 0810

# Thực trạng sử dụng phần mềm MICROSOFT OFFICE trong học tập trực tuyến các học phần lý thuyết của sinh viên khóa 46 Khoa Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

***Lê Vũ Kiều Hoa*, Nguyễn Thị Như Thành*****
**ThS. Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh*
***SV Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh*

*Received: 22/12/2022; Accepted: 25/12/2022; Published: 29/12/2022*

***Abstract:*** *The actual survey on the online studying the theoretical subjects by virtue of software carried out by students of 46th in Faculty of Physical Education, Ho Chi Minh City University showed that difficulties that they have faced during their course of online studying should be completely removed.*

***Keyword:*** *Microsoft Office, online learning, theoretical subjects. physical education*

## 1. Đặt vấn đề

Microsoft (MS) Office là một phần mềm ứng dụng hỗ trợ rất tốt cho các công việc nhập dữ liệu hay trình bày, xử lý dữ liệu; đặc biệt là được sử dụng trong quá trình học tập trực tuyến (TT) phù hợp với SV (SV). Đây một phần mềm được sử dụng rộng rãi và phổ biến trên thế giới, là công cụ giúp tăng hiệu quả làm việc trên máy tính cho hàng triệu người dùng trong nhiều lĩnh vực. Có sự trợ giúp của MS Office, ta có thể soạn thảo văn bản với tốc độ cực nhanh, tính toán trên bảng tính, tạo ra các bài thuyết trình, ghi chú những thông tin quan trọng trong quá trình lĩnh hội tri thức.

Việc trang bị các kỹ năng (KN) sử dụng các phần mềm cũng như KN thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian… Hầu hết, việc đào tạo và rèn luyện KN sử dụng cho SV vẫn chủ yếu lồng ghép vào các học phần của chuyên ngành hoặc một số chương trình ngoại khóa, chưa chuyên sâu về việc ứng dụng các phần mềm nói chung, trong đó có việc sử dụng phần mềm MS Office.

Sau ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh, trải nghiệm và nhận thấy được tầm quan trọng của việc tích hợp CNTT trong dạy học nói chung và sử dụng phần mềm MS Office nói riêng. Với những khó khăn gặp phải trong thực tiễn và biết được lợi ích khi sử dụng phần mềm MS Office trong học tập TT, nhóm tác giả lựa chọn khảo sát *"Thực trạng sử dụng phần mềm MS Office trong học tập trực tuyến các học phần lý thuyết của SV khóa 46 khoa Giáo dục Thể chất trường ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh"* nhằm mục đích tìm ra những biện pháp cải thiện việc sử dụng phần mềm MS Office một cách hiệu quả hơn giúp SV cải thiện thành tích học tập.

## 2.Nội dung nghiên cứu

### *2.1. Thực trạng sử dụng các phần mềm trong học tập trực tuyến các học phần lý thuyết của SV khóa 46 khoa Giáo dục thể chất Trường ĐHSP TP HCM.*

*Bảng 2.1. Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ KHÓ KHĂN mà SV gặp phải trong quá trình học tập TT các học phần lý thuyết*

| TT | Mức độ Khảo sát | Hoàn toàn không khó khăn | Không khó khăn | Bình thường | Khó khăn | Rất khó khăn |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Không gian/địa điểm học tập bất tiện. | 10% | 13% | 71% | 7%% | 0% |
| 2 | **Đã quen với các phương pháp dạy học truyền thống.** | 10% | 10% | 7% | **74%** | 0% |
| 3 | **Mạng Internet không ổn định/ không có mạng internet.** | 0% | 6% | 16% | **75%** | 3% |
| 4 | Giảng viên không/ít tương tác với SV. | 0% | 19% | 68% | 10% | 3% |
| 5 | **SV thiếu kỹ năng tương tác với giảng viên.** | 3% | 10% | 10% | **74%** | 3% |
| 6 | **Tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học trực tuyến các học phần lý thuyết.** | 0% | 10% | 13% | **71%** | 7% |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | **Kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị CNTT còn hạn chế.** | 0% | 6% | 3% | **85%** | 7% |

Bảng 2.1 cho thấy, do đã quen với các PP dạy học truyền thống chiếm 74%, các thiết bị và không gian hỗ trợ học tập được xem là một trong những điều kiện thuận lợi cho SV trong học tập TT. Trong đó, việc đường truyền mạng và kết nối internet không ổn định là khó khăn của SV tham gia khảo sát (chiếm 75%). Đối với SV khi tham gia học tập trực tuyến, một kết nối Internet đáng tin cậy là điều kiện tiên quyết đối với việc học của bản thân. Việc đường truyền Internet yếu có thể ảnh hưởng đến rất lớn đến việc theo dõi và tiếp thu kiến thức của SV trong các buổi học. Bên cạnh đó, những khó khăn khác về tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học TT các học phần lý thuyết với tỷ lệ 71%; cũng như việc kỹ năng sử dụng phương tiện, thiết bị CNTT còn hạn chế đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập TT của SV chiếm 85%.

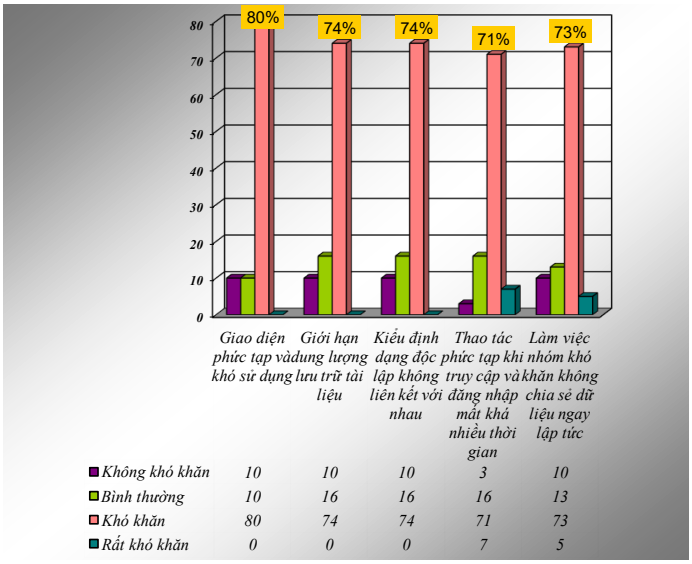


*Biểu đồ 2. Kết quả khảo sát đánh giá của SV về mức độ KHÓ KHĂN gặp phải trong quá trình sử dụng phần mềm trong học tập TT các học phần lý thuyết*

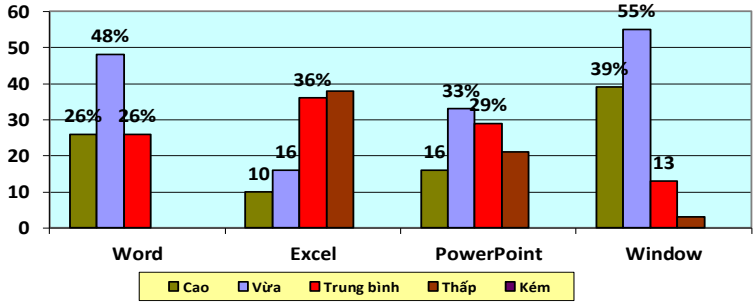


*Biểu đồ 1. Kết quả khảo sát SV tự đánh giá mức độ THÀNH THẠO sử dụng phần mềm MS Office trong học tập TT các học phần lý thuyết*

Từ kết quả ở biểu đồ 1 cho thấy, thông qua hình thức học tập TT mức độ sử dụng các phần mềm có sự chênh lệch rất rõ. Cụ thể, Window được coi là hệ điều hành và cũng là nơi chứa các chức năng cơ bản của một máy tính, SV được tiếp cận ở mức cao chiếm 39%, vừa chiếm 55%. Tiếp đến Word được xem là phần mềm SV thường sử dụng để làm bài tập cũng như tự biên soạn học số liệu, ở mức cao chiếm 26%, vừa chiếm 48% và trung bình chiếm 28%.

Bên cạnh việc sử dụng Word để giải quyết các bài tập trên lớp thì làm việc nhóm, báo cáo và thuyết trình trước lớp đòi hỏi SV cần phải sử dụng đến phần mềm Powerpoint. Tuy nhiên vì phần mềm này đòi hỏi nhiều KN mềm cũng như chia làm các nhóm lệnh chỉnh sửa khác nhau, vì vậy tỷ lệ SV thành thạo ở mức cao chỉ chiếm 16%, mức vừa chiếm 33%, đặc biệt ở mức thấp chiếm 21% thể hiện rõ tỷ lệ SV còn gặp nhiều vấn đề khó khăn trong việc sử dụng phần mềm khi học TT.

Cuối cùng phần mềm ít được SV tiếp cận và sử dụng nhất là Excel, đặc trưng của SV khoa GDTC, các học phần liên quan đến tính toán và sử dụng công thức, phần mềm Excel còn rất ít cho nên SV cũng rất hạn chế trong việc phát huy tính tự giác và tự tìm tòi nghiên cứu ở phần mềm này. Cụ thể ở mức cao chỉ chiếm 10% trên tổng số 62 SV mức vừa chiếm 16%, trung bình chiếm 36% và thấp chiếm 38%. Điều đáng chú ý 100% không có SV nào ở mức kém.

Việc học tập trực tuyến các học phần lý thuyết đòi hỏi mỗi SV đều có một KN mềm về sử dụng các phần mềm để phục vụ việc học tập vì thế nhận thấy vấn đề khi thao các các phần mềm có những hạn chế gây cản trở và tốn nhiều thời gian hơn cho SV. Đây là một trong những yếu tố quan trọng trong việc học tập TT, qua biểu đồ 2 chúng ta thấy được hầu hết SV K46 khoa GDTC đều thấy khó khăn về các yếu tố

gây khó khăn trong việc sử dụng các phần mềm phục vụ cho việc học tập TT.

***2.2 Bàn luận về thực trạng sử dụng các phần mềm trong học tập trực tuyến các học phần lý thuyết của SV khóa 46 khoa Giáo dục thể chất trường ĐH Sư Phạm TPHCM***

**Suy nghĩ sai về cách học:* Hiện nay, nhiều SV vẫn cho rằng việc học TT sẽ giống với hình thức học trực tiếp tại lớp; học TT sẽ có thời khóa biểu, bài giảng trong giờ lên lớp và có SV khác học cùng. Nhưng trên thực tế, người học sẽ tự đăng nhập vào hệ thống quản lý vào bất cứ thời gian nào. Lúc này, lịch học của SV sẽ trở nên linh động hơn nhưng có một vấn đề là SV phải chủ động và tích cực trong việc tự học.

**Tìm kiếm nội dung bài học:* Đây được xem là khó khăn dễ thấy nhất đối với nhiều SV khi bắt đầu làm quen với hình thức học TT chiếm 68%. Thường thì các bài học sẽ được liên kết tới nhiều trang khác nhau để lấy tài liệu hoặc làm bài tập. Ngoài ra, phải tìm hiểu phần mềm chức năng của các nút lệnh thì SV mới biết nội dung mà giảng viên tải lên. Mỗi phần mềm, ứng dụng (Google Meet, Zoom, Teams…) đều có những nút lệnh và chức năng khác nhau. SV vẫn phải tìm hiểu và tìm kiếm các nguồn học số liệu thông qua bạn bè chiếm 97% và từ GV đại học chiếm 100% làm hạn chế khả năng tiếp thu và khả năng tư duy của SV.

**Thiết bị/đường truyền internet:* Quá trình học tập online tại nhà của SV cũng dễ dàng bị trì hoãn, tạm dừng vì các kế hoạch phát sinh, mặc dù có 68% SV sử dụng kết nối wifi để học tập TT là chủ yếu nhưng đường truyền Internet "chập chờn" vì vậy SV cũng phải sử dụng thêm kết nối 3G/4G (45%) ... Đây là khó khăn khách quan khi học TT dễ nhìn thấy đối với đa số SV học tại nhà. Điều này dẫn tới việc SV không nắm bắt, theo kịp được kiến thức mà GV truyền tải. Lý do lớn nhất là mạng Internet không được mạnh nên thường xuyên bị đăng xuất. Ngoài ra các ứng dụng học TT cũng có lúc gặp trục trặc, loa bị rè, mic bị hỏng, có những bạn về quê học tập và vì ở khu vực có đường truyền kém hoặc bị mất điện hay các HĐ của các thành viên khác trong gia đình cũng khiến SV bị sao nhãng, phải tạm dừng việc học.

**Kỹ năng sử dụng thiết bị/phần mềm:* Thực trạng SV gặp khó khăn trong các KN sử dụng thiết bị CNTT còn hạn chế chiếm 89%. Tìm kiếm phần mềm phù hợp chiếm 83%, tìm kiếm nội dung bài học chiếm 74%. Vì là hình thức học tập trực tuyến thông qua thiết bị công nghệ nên nhiều SV học tập với tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học TT các học phần lý thuyết chiếm 71%. Và thực trạng SV thiếu KN tương tác với giảng viên chiếm 74% và đã quen với các PP dạy học truyền thống chiếm 74% cũng đang là một khó khăn trong việc học tập TT các học phần lý thuyết của SV K46 khoa GDTC.

**3. Kết luận**

Kết quả khảo sát thực trạng việc ứng dụng các phần mềm trong học tập TT các học phần lý thuyết của SV khóa 46 khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM cho thấy những khó khăn gặp phải trong quá trình sử dụng phần mềm khi học tập TT các học phần lý thuyết như: Giao diện sử dụng phức tạp và khó sử dụng; giới hạn dung lượng lưu trữ tài liệu; kiểu định dạng độc lập, không liên kết với nhau ví dụ như slide, audio, video,...; thao tác phức tạp khi truy cập và đăng nhập mất khá nhiều thời gian, làm việc nhóm khó khăn, không chia sẻ dữ liệu ngay lập tức. Ngoài ra, SV còn gặp một số khó khăn khác trong quá trình sử dụng phần mềm trong học tập TT các học phần lý thuyết vì đã quen với các PP dạy học truyền thống, mạng Internet không ổn định/không có mạng Internet, SV thiếu KN tương tác với GV, SV mang tâm lý chán nản, không hứng thú với việc học TT các học phần lý thuyết, KN sử dụng phương tiện, thiết bị CNTT còn hạn chế. Việc này thực sự cấp thiết, cần phải có hướng giải quyết triệt để giúp SV học tập mang lại hiệu quả cao trong quá trình học TT.

**Tài liệu tham khảo**

1. Allen, I. E., & Seaman, J. (2016). Online Report Card: *Tracking Online Education in the United States*. Babson Survey Research Group.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021) *Thông tư số 09/2021/TT-BGDDT "thông tư dạy học trực tuyến"*. Hà Nội

3. Nguyễn Thị Gấm, Phạm Thị Lệ Hằng, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Đình Phát, Trần Trường Sơn, Ngô Kiên Trung (2016), *Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*. NXB Đại học Sư phạm TPHCM

4. Phạm Thị Lệ Hằng và cộng sự (2017), *Học thuyết huấn luyện Thể dục Thể thao*. NXBĐHSP TP.HCM.

5. Lê Hữu Hưng, Vũ Chung Thủy, Nguyễn Thanh Nhàn (2010). *Hồi phục và vật lý trị liệu, NXBTDTT*. Hà Nội

6. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tốn (2000). *Lý luận và phương pháp giáo dục thể dục thể thao , NXBTDTT.* Hà Nội